

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23/5/2024.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Mỹ.

2. Bà Trần Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai: Ông Nguyễn Tất Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1993;

Nơi thường trú: Ấp M, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi cư trú: Tổ G, ấp E, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Trương Minh S, sinh năm 1988;

Nơi thường trú: Khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang.

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Bà M và ông S có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông Trương Minh S tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố C, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/8/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, tính tình của hai vợ chồng ngày càng khác biệt nên thường xuyên gây gỗ, cãi nhau. Cả hai đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện, tìm cách hòa giải hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không thành, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng càng trầm trọng không sống hòa thuận được với nhau. Nay bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Trương Minh S.

- Về con chung: Bà và ông S có 02 con chung là Trương Bảo N, sinh ngày 22/5/2017 và Trương Trọng Q, sinh ngày 29/5/2019. Ly hôn, bà yêu cầu giao 02 con chung cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Trương Minh S trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Tuyết M tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố C, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/8/2016. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông và bà M gây gỗ, cãi nhau, từ đầu năm 2023 đến nay thì ông và bà M đã sống ly thân với nhau. Nay bà M yêu cầu ly hôn đối với ông thì ông không đồng ý ly hôn vì ông không muốn các con của ông xa mẹ.

- Về con chung: Ông và bà M có 02 con chung là Trương Bảo N, sinh ngày 22/5/2017 và Trương Trọng Q, sinh ngày 29/5/2019. Hiện nay hai cháu đang trực tiếp ở với ông, ông hiện đang làm công việc tự do với mức thu nhập là 15.000.000đồng đến 20.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật tố Tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị

án chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông S trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M.

Về con chung: Bà M và ông S 02 con chung là Trương Bảo N, sinh ngày 22/5/2017 và Trương Trọng Q, sinh ngày 29/5/2019. Ly hôn, giao 02 con chung cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời bà M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

- Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Trương Minh S cư trú tại huyện V, tỉnh Đồng Nai, nên đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M và bị đơn ông Trương Minh S đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M và ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố C, tỉnh An Giang vào năm 2016, trên cơ sở tự nguyện. Căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, hôn nhân giữa bà M và ông S là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà M có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông S nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M và ông S xảy ra từ khoảng năm 2020 đến nay. Bà M cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông S thừa nhận giữa hai vợ chồng ông có xảy ra cãi vã, xung đột, đã ly thân với nhau. Ông S không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, từ lúc hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không quan tâm nhau, sống ly thân cho đến nay ông cũng không có biện pháp gì để vợ chồng ông khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ với nhau.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M và ông S là có thật, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà M, bà M được ly hôn với ông S.

[4] Về con chung: Bà M và ông S có 02 con chung là Trương Bảo N, sinh ngày 22/5/2017 và Trương Trọng Q, sinh ngày 29/5/2019. Hiện nay hai con chung đang sống chung với ông S, bà M đề nghị giao 02 con chung cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, ông S có công việc ổn định, có mức thu nhập hàng tháng từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Do đó, cần giao 02 con chung cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con ông S không yêu cầu nên không xem xét.

Sau ly hôn, bà M được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông S trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 89 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của bà Nguyễn Thị Tuyết M.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với ông Trương Minh S.

- Về con chung: Giao cháu Trương Bảo N, sinh ngày 22/5/2017 và Trương Trọng Q, sinh ngày 29/5/2019 cho ông Trương Minh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

Sau ly hôn, bà M được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009211 ngày 19/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3. Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường Núi Sam;
- VKS ND H. Vĩnh Cửu;
- THA DS H. Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Đại